TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 816/2019/DS-ST
Ngày: 15/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Nguyễn Minh Nam.

2. Ông Huỳnh Văn Phát

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh*:* Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Trụ sở: 89 đường L, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc Minh T (vắng mặt)

Văn bản ủy quyền số 1085/2019/UQ-GĐK-TDTD ngày 01/4/2019)

Bị đơn: Ông Trần Phước D, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: 201 đường N, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Ngọc Minh T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02 tháng 10 năm 2014 ông Trần Phước D (gọi tắt là ông D) ký đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ số 054913 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V).

Ngày 17 tháng 10 năm 2014, Ngân hàng V phê duyệt cho ông D vay số tiền 21.000.000 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141014 – 104007 – 0002 (trong đó: khoản vay tiêu dùng là 20.000.000 đồng; phí bảo hiểm 1.000.000 đồng); thời hạn vay 24 tháng, tính từ ngày 17/10/2014; lãi suất vay 45%/năm. Theo bảng kế hoạch trả nợ, ông D phải thanh toán số tiền gốc và lãi là 1.343.000 đồng, trả trong 23 kỳ, kỳ 24 trả 1.317.000 đồng.

Ngày 17 tháng 10 năm 2014 ông D nhận đủ số tiền vay. Ông D đã thanh toán cho nguyên đơn 12 lần với tổng số tiền 16.679.000 đồng (trong đó 9.104.775 đồng tiền gốc và 7.574.225 đồng tiền lãi). Cho đến nay, ông D không thanh toán khoản tiền nào cho Ngân hàng V dù nguyên đơn đã nhiều lần thông báo cho ông D.

Nguyên đơn không yêu cầu ông D thanh toán số tiền phí bảo hiểm 1.000.000 đồng theo phê duyệt ngày 17/10/2014. Nay Ngân hàng V yêu cầu Tòa án buộc ông D phải trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền sau:

- Nợ gốc còn lại: 10.895.225 đồng;
- Nợ lãi tính: 3.106.849 đồng

Tổng cộng: 14.002.074 đồng

Bà T khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/11/2019 bà Tú có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Trần Phước D không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, Tòa án xác định có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Kiến nghị Tòa án về thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ số 054913 giữa Ngân hàng V và ông D cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ông D có vay của Ngân hàng V số tiền 21.000.000 đồng. Trong quá trình vay, ông D đã trả cho nguyên đơn số tiền 16.679.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền 14.002.074 đồng (tiền gốc 10.895.225 đồng; tiền lãi 3.106.849 đồng). Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả phí bảo hiểm 1.000.000 đồng.

Do ông D không thực hiện nghĩa vụ, xâm phạm đến lợi ích nguyên đơn, căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ số 054913 ngày 02 tháng 10 năm 2014, phê duyệt ngày 17 tháng 10 năm 2014, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định ông D có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ kết quả xác minh ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Công an Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: ông D cư trú tại 201 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông D cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Tú có đơn xin vắng mặt, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ cho ông D để ghi tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông D vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ đơn, đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ số 054913 ngày 02 tháng 10 năm 2014, phê duyệt ngày 17 tháng 10 năm 2014, có cơ sở xác định số tiền ông D vay của nguyên đơn là 20.000.000 đồng, lãi suất vay 45%/năm, thời hạn vay 24 tháng và phí bảo hiểm là 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền phí bảo hiểm.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 16.679.000 đồng cho 12 kỳ. Từ kỳ thứ 13 cho đến ngày xét xử, ông D không thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn. Ông D đã vi phạm việc thanh toán tiền góp theo các kỳ hạn trả nợ. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền phí bảo hiểm 1.000.000 đồng.

Nay ngân hàng V yêu cầu ông D trả tiền vốn 10.895.225 đồng; tiền lãi tính từ ngày 17/11/2015 đến ngày 17/10/2016 là 3.106.849 đồng; Tổng cộng là 14.002.074 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng, kiến nghị Tòa án về thời hạn giải quyết vụ án và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Phước D phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 14.002.074 (Mười bốn triệu không trăm lẻ hai ngàn không trăm bảy mươi bốn) đồng. Trong đó: tiền gốc 10.895.225 đồng; tiền lãi 3.106.849 đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Phước D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ số 054913 ngày 02 tháng 10 năm 2014. Trường hợp trong đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì lãi suất mà ông Trần Phước D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Ghi nhận việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không yêu cầu ông Trần Phước D thanh toán 1.000.000 đồng phí bảo hiểm.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Phước D phải chịu 700.104 (Bảy trăm ngàn một trăm lẻ bốn) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 388.000 (ba trăm tám mươi tám ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0041794 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM ;
- VKSND Q.PN;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND quận 9, quận Phú Nhuận;
- THADS Q.QPN;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Kim Phụng